

Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và tác động đến kinh tế - chính trị quốc tế

Phạm Văn Min*

*Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, ĐHQGHN,
336 Nguyễn trãi, Thanh Xuân, Hà Nội*

Nhận ngày 17 tháng 11 năm 2009

Tóm tắt. Bài viết này phân tích một số tác động cơ bản của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến kinh tế chính trị quốc tế dưới ba cấp độ phân tích. Bài viết chỉ ra rằng, ở cấp độ toàn cầu, cuộc khủng hoảng cho thấy sự hạn chế của lý thuyết chủ nghĩa tự do mới và đòi hỏi phải có những lý luận và mô hình mới cho phát triển kinh tế-xã hội giai đoạn hậu khủng hoảng. Khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng làm giảm sút vai trò của Mỹ và tăng cường vai trò của các nền kinh tế đang lên trong hệ thống tài chính quốc tế. Đồng thời, nó đặt ra câu hỏi về vai trò cũng như sự cần thiết phải cải tổ các thể chế tài chính quốc tế. Ở cấp độ khu vực, cuộc khủng hoảng kinh tế thúc đẩy nhiều sáng kiến khu vực nhưng cũng đồng thời làm dấy lên sự lo ngại về chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch. Ở cấp độ quốc gia, cuộc khủng hoảng đã làm tan rã chính phủ, gây bất ổn xã hội ở một số quốc gia. Ngoài ra, việc một số chính phủ tìm kiếm tài trợ, viện trợ từ bên ngoài đã tạo cơ hội cho các nước lớn tranh giành ảnh hưởng quốc tế. Việc phân tích những tác động của cuộc khủng hoảng đến kinh tế chính trị quốc tế phần nào giúp chỉ ra một số điểm không phù hợp của một số học thuyết đương đại trong việc luận giải cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu và giúp dự liệu được những thay đổi mạnh mẽ trong đời sống chính trị quốc tế thời kỳ hậu khủng hoảng.

Thế giới đang trải qua một cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu có thể nói là nghiêm trọng nhất kể từ sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai và nó có thể so sánh với cuộc Đại khủng hoảng 1929 – 1933. Điều bùng phát từ nước Mỹ rồi lan toả sang các quốc gia khác, nhưng so với cuộc Đại khủng hoảng 1929 – 1933, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lần này bắt đầu từ trong hệ thống ngân hàng. Hơn nữa, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lần này diễn ra trong bối cảnh toàn cầu hoá, trong sự phát triển mạnh mẽ của công nghệ thông tin và sự tùy

thuộc ngày càng tăng giữa các quốc gia. Mặc dù hiện nay có nhiều dự báo khả quan về khả năng cuộc khủng hoảng đã chạm đáy và kinh tế thế giới bắt đầu phục hồi nhưng khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã và đang gây ra những hậu quả hết sức nghiêm trọng, tác động tới mọi mặt của đời sống quốc tế. Có thể nói không quốc gia nào không chịu ảnh hưởng bởi cuộc khủng hoảng lần này. Không chỉ đơn thuần tác động đến khía cạnh kinh tế của đời sống quốc tế, cuộc khủng hoảng toàn cầu lần này đã có những tác động to lớn đến kinh tế chính trị quốc tế xét cả dưới góc độ lý luận và thực tiễn. Cùng mối quan tâm về những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế

*Tel.: 84-4-38583798
E-mail: min@ussh.edu.vn

toàn cầu, bài viết này nhằm phân tích một số những tác động cơ bản của cuộc khủng hoảng đến kinh tế chính trị quốc tế dưới ba cấp độ phân tích: cấp độ toàn cầu, cấp độ khu vực và cấp độ quốc gia. Dưới mỗi cấp độ phân tích, bài viết sẽ chỉ ra những tác động chính của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến kinh tế chính trị quốc tế nhằm minh chứng rằng kinh tế chính trị quốc tế thời kỳ trong và hậu khủng hoảng sẽ phải đối mặt với những thách thức cả về lý luận và thực tiễn. Việc phân tích những tác động của cuộc khủng hoảng đến kinh tế chính trị quốc tế phần nào giúp hiểu được những điểm không phù hợp của các học thuyết đương đại trong việc luận giải một hiện tượng quốc tế đồng thời có thể giúp dự liệu được những thay đổi mạnh mẽ trong đời sống chính trị quốc tế thời kỳ hậu khủng hoảng.

Ở cấp độ toàn cầu, sau một giai đoạn phát triển, nền kinh tế thế giới lại rơi vào tình trạng khủng hoảng với những mức độ khác nhau và khủng hoảng chu kỳ được cho là cơ cấu đồng hành với chủ nghĩa tư bản như một quy luật bất biến. Do đó, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lần này “cũng không nằm ngoài quy luật đó” [1]. Hẳn nhiên người còn nhớ rằng việc Liên Xô tan rã từng được coi là sự thắng thế của lý thuyết chủ nghĩa tư bản đối với lý thuyết chủ nghĩa xã hội. Nhưng cuộc khủng hoảng lần này đã đặt lại câu hỏi liệu chủ nghĩa tư bản tốt hơn hay chủ nghĩa xã hội tốt hơn. Một số ý kiến còn cho rằng cuộc khủng hoảng lần này đã đánh dấu sự thất bại của lý thuyết tự do mới (Neoliberalism) bắt đầu từ thời kỳ Tổng thống Ronald Reagan và Thủ tướng Anh Margaret Thatcher [2, tr.15]. Lý thuyết chủ nghĩa tự do mới đã tuyệt đối hoá sức mạnh vạn năng của thị trường [3]. Sự bi quan về số phận của lý thuyết chủ nghĩa tự do mới xuất phát từ một số lý do cơ bản. Thứ nhất, trong suốt một thập kỷ qua, nhiều nước đang phát triển đã đi theo cái được gọi là “sự đồng thuận của Washington”

(Washington Consensus) dựa chủ yếu trên lý thuyết chủ nghĩa tự do mới. Các nước này đã áp dụng chính sách tài chính mạnh bạo, mở cửa thị trường, rời bỏ sự kiểm soát dòng tư bản, tạo dựng dự trữ tài chính quốc gia và gắn liền với trật tự tài chính toàn cầu. Tuy nhiên, các quốc gia này lại bị ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng. Đường như, các quốc gia càng tuân theo các nguyên tắc của chủ nghĩa tự do mới lại càng ảnh hưởng nặng nề bởi cuộc khủng hoảng. Thứ hai, sau khi đi theo các nguyên tắc của lý thuyết tự do mới, rất nhiều quốc gia, trong đó có cả Mỹ, lại phải đối mặt với sự thâm hụt ngân sách, tăng cường bảo hộ mậu dịch và kiểm soát các dòng vốn. Và đặc biệt khi đối mặt với cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu, hầu hết các nền kinh tế phát triển lại thực hiện việc “quốc hữu hoá” các doanh nghiệp, tập đoàn như một giải pháp của gói cứu trợ. Mặc dù có điểm khác so với cách thức “quốc hữu hoá” mà các nước xã hội chủ nghĩa từng làm trước đây nhưng việc tăng cường quyền sở hữu và kiểm soát của chính phủ đối với tài sản của các doanh nghiệp, tập đoàn đã khiến có người cho rằng tất cả thế giới hiện nay là chủ nghĩa xã hội [4]. Các quốc gia bản khoán tự hỏi liệu những lợi ích mà họ đạt được có đáng so với cái giá mà họ phải trả cho các chính sách kinh tế theo chủ nghĩa tự do mới hay không và nhiều quốc gia cũng đã phải xem xét lại sự cân bằng giữa các giá trị xã hội và nền kinh tế dựa vào thị trường [5, tr.2]. Như vậy, thách thức đầu tiên của khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến kinh tế chính trị quốc tế chính là sự bộc lộ khiếm khuyết về lý luận và mô hình phát triển hiện tại đồng thời đòi hỏi phải tìm kiếm lý luận và mô hình phát triển mới. Cuộc khủng hoảng một lần nữa đặt ra câu hỏi đối với nhiều quốc gia về sự lựa chọn lý thuyết nào, mô hình kinh tế-xã hội nào cho phát triển trong giai đoạn tiếp theo.

Một tác động khác của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đến Kinh tế chính trị quốc tế là

sự thách thức vai trò của Mỹ và sự tăng cường vai trò của các nền kinh tế đang lên trong hệ thống tài chính quốc tế. Rõ ràng, cuộc khủng hoảng toàn cầu lần này bắt nguồn từ Mỹ và lan toà sang các quốc gia khác trên thế giới. Khi cuộc khủng hoảng lan rộng thì cũng là lúc các quốc gia khác trên thế giới cho rằng sự thiếu giám sát và điều tiết của chính phủ Mỹ là nhân tố chính dẫn đến cuộc khủng hoảng. Một số quan chức Trung Quốc còn công khai cho rằng chính Mỹ gây ra cuộc khủng hoảng lần này [2]. Thực chất cuộc khủng hoảng đã có tác động kép đến vai trò của Mỹ trong hệ thống tài chính quốc tế. Nhiều quốc gia vẫn phụ thuộc chặt chẽ vào mối quan hệ kinh tế đối với Mỹ, đặc biệt là các nước xuất khẩu nhiều vào thị trường Mỹ. Do đó, cùng với thực lực về kinh tế, tài chính và chính trị, Mỹ vẫn là mấu chốt trong việc giải quyết các vấn đề tài chính toàn cầu. Mặt khác, cuộc khủng hoảng làm giảm đi uy tín, vai trò của Mỹ, của đồng đô la (USD) và tạo cơ hội cho các nền kinh tế đang lên có tiếng nói quan trọng hơn đối với các vấn đề tài chính toàn cầu. Trong suốt những năm 1990, nhóm các nước kinh tế phát triển G-7 luôn giữ vai trò là một diễn đàn chính thảo luận các vấn đề kinh tế vĩ mô cũng như các chuẩn mực, nguyên tắc của hệ thống tài chính quốc tế. Nhưng cuộc khủng hoảng lần này lại đưa nhóm các nước G-20 nổi lên là một điểm quy tụ cho các vấn đề về hợp tác quốc tế nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng. Hai cuộc gặp đầu tiên vào tháng 11 năm 2008 và tháng 4 năm 2009 của nhóm G-20 đều nhấn mạnh hợp tác quốc tế về tài chính, tiền tệ và cam kết tăng gấp ba lần nguồn lực của Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), thành lập một số uỷ ban, diễn đàn để đối phó với khủng hoảng. Việc G-20, chứ không phải G-7, trở thành thể chế hợp tác quốc tế nhằm đối phó với khủng hoảng toàn cầu đã cho thấy các nền kinh tế đang lên như Trung Quốc, Ấn Độ, Bra-xin đang đóng vai trò ngày càng quan trọng hơn trong tương quan với các nền kinh tế như Mỹ, Châu Âu hay Nhật Bản.

Tác động thứ hai này trên cấp độ toàn cầu dẫn đến một hệ quả khác là tác động của cuộc khủng hoảng đến vai trò của các thể chế tài chính quốc tế như Quỹ tiền tệ Quốc tế (IMF), Ngân hàng thế giới (WB) và Ngân hàng thanh toán quốc tế (BIS).

Sau cuộc khủng hoảng tài chính kinh tế Châu Á năm 1997, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu một lần nữa lại đặt ra câu hỏi liên quan đến các thể chế tài chính quốc tế. Tuy nhiên, cuộc khủng hoảng lần này đòi hỏi phải có sự nhìn nhận toàn diện hơn. Thứ nhất, liệu các thể chế tài chính quốc tế nên được trao cho thẩm quyền như thế nào để có thể yêu cầu các quốc gia thực hiện các biện pháp nhằm kiềm chế khủng hoảng, hạn chế việc lan rộng sang các quốc gia khác. Các thể chế tài chính quốc tế này chỉ đóng vai trò tư vấn, cung cấp thông tin có tính kỹ thuật hay được phép buộc các quốc gia thành viên phải thi hành các biện pháp cụ thể. Đồng thời, các thể chế tài chính quốc tế này cũng phải có được một hệ thống cảnh báo hiệu quả đối với các quốc gia thành viên. Thứ hai, các quốc gia thành viên cần phải đóng góp vào nguồn lực tài chính của các thể chế tài chính quốc tế này là bao nhiêu. Mặc dù trong quá khứ, các thể chế tài chính quốc tế đã đóng vai trò quan trọng trong việc kết hợp các nỗ lực và sử dụng nguồn lực tài chính để giúp đỡ các nước bị tác động nặng nề của khủng hoảng. Tuy nhiên, trong bối cảnh toàn cầu hoá hiện nay, nguồn lực của các thể chế tài chính rõ ràng vẫn chưa đủ để có thể tiến hành các biện pháp của mình một cách có hiệu quả. Minh chứng là trong cuộc họp thượng đỉnh tại Luân Đôn của nhóm G-20, các nhà lãnh đạo các nền kinh tế hàng đầu thế giới đã phải đồng ý tăng nguồn dự trữ của Quỹ tiền tệ quốc tế bằng cách vay từ các nước thành viên hay các tổ chức tài chính khác. Rõ ràng, Quỹ tiền tệ quốc tế đang không đủ nguồn lực để đối phó với cuộc khủng hoảng. Thứ ba, như đã nêu trong ở trên, vai trò của các nền kinh tế như Trung Quốc, Ấn Độ và Bra-xin

ngày càng tăng lên vậy các nền kinh tế này cần phải có vai trò to lớn hơn trong các thể chế tài chính quốc tế. Nếu các nền kinh tế này có vai trò to lớn hơn trong các thể chế tài chính quốc tế thì sẽ có thể dẫn đến sự thay đổi trong hoạt động của các thể chế này. Đây cũng sẽ là một tác động dưới góc độ lý luận đối với những người nghiên cứu về kinh tế chính trị quốc tế về hành vi của quốc gia tác động đến các thể chế quốc tế.

Xét dưới cấp độ khu vực, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lần này đã có những tác động giống với những tác động trong thay đổi của hệ thống quốc tế đối với khu vực trong lịch sử. Thứ nhất, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu mở ra cơ hội cho các sáng kiến hợp tác khu vực trở thành hiện thực trong bối cảnh khủng hoảng toàn cầu hiện nay [6]. Ví dụ ở khu vực Đông Á, cuộc khủng hoảng tài chính Châu Á năm 1997 đã từng thúc giục các nước trong khu vực thành lập Quỹ tiền tệ Châu Á (AMF) theo đề xuất của Nhật Bản để đối phó với các cuộc khủng hoảng tương tự trong tương lai. Sự giảm sút vai trò của G-7 và sự chưa thống nhất trong G-20 tiếp tục thúc đẩy các nước Đông Á đưa ra những quyết sách khu vực của mình. Nhóm các nhà kinh tế nổi tiếng đã đưa ra một loạt các đề xuất giúp các nước Đông Á trong khủng hoảng [7]. Trong đó có đề xuất các nước Đông Á nên thành lập Diễn đàn ổn định tài chính Châu Á (Asian Financial Stability Dialogue) và Quỹ đầu tư cơ sở hạ tầng Châu Á (Asian Infrastructure Investment Fund) nhằm tăng cường hội nhập tài chính khu vực. Trong thực tế, các nước trong Đông Á đã có những hành động cụ thể nhằm tăng cường hợp tác khu vực, đối phó với khủng hoảng. Tháng 5 năm 2008, bộ trưởng tài chính các nước ASEAN + 3 đã đồng ý thúc đẩy Sáng kiến Chiềng Mai (CMI) thành "Đa phương hoá sáng kiến Chiềng Mai" (Chiang Mai Initiative Multilateralism) nhằm đối phó với cuộc khủng hoảng. Tháng 10 năm

2008, Tổng thống Phi-líp-pin đề xuất việc thành lập Kế hoạch chuẩn bị ASEAN (ASEAN Preparedness Plan) nhằm hỗ trợ các nhà lãnh đạo các nước ASEAN + 3 vạch ra các kế hoạch chiến lược đối phó cuộc khủng hoảng. Tất cả các đề xuất này đã được thảo luận bên lề Diễn đàn Á - Âu (ASEM) vào cuối tháng 10 năm 2008 tại Bắc Kinh. Ở nhiều mức độ khác nhau, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lần này đã thúc đẩy các sáng kiến và hợp tác khu vực, trong đó Đông Á chỉ là một ví dụ.

Một tác động khác nữa dưới cấp độ khu vực là sự gia tăng của bảo hộ mậu dịch. Các khu vực trên thế giới lại một lần nữa ưu tiên các nước đối tác khu vực và áp đặt chính sách bảo hộ mậu dịch đối với bên ngoài. Mặc dù các nhà lãnh đạo G-20 khẳng định cam kết tiếp tục một nền kinh tế toàn cầu mở cửa nhưng cũng chính tại cuộc họp thượng đỉnh của các nhà lãnh đạo G-20 thì hai thành viên là Bra-xin và Ác-hen-ti-na đã yêu cầu sẽ tăng cường hàng rào thuế quan chung cho toàn khối MERCOSUR trong đó họ là hai thành viên lớn. Chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch khu vực còn được thể hiện trong chính sách thương mại của một số tổ chức khu vực đối với các quốc gia thành viên như trường hợp Liên minh Châu Âu (EU) tăng cường hỗ trợ và ưu tiên thương mại cho thành viên ở Đông Âu. Các quốc gia ưu tiên đối tác trong khu vực trong thương mại, đầu tư và vay vốn... cũng tăng cường thêm bảo hộ mậu dịch khu vực và phân biệt đối xử đối với bên ngoài. Tuy còn chưa thể hiện rõ nét nhưng ở cấp độ khu vực, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu cũng đã có những tác động nhất định. Những tác động này có thể thúc đẩy sự phát triển của chủ nghĩa khu vực như đã từng xảy ra khi có sự thay đổi trong trật tự quốc tế giai đoạn sau Chiến tranh thế giới lần thứ hai và giai đoạn chấm dứt chiến tranh lạnh cuối thế kỷ 20.

Khác với cấp độ toàn cầu và cấp độ khu vực, tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế

toàn cầu ở **cấp độ quốc gia** được biểu hiện một cách hết sức rõ rệt. Trước hết, tác động nặng nề của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lần này đã làm tan rã chính phủ của một số quốc gia. Ví dụ đầu tiên là sự sụp đổ Chính phủ liên minh cánh hữu của Lát-vi-a vào ngày 20 tháng 2 năm 2009. Sự sụp đổ này bắt nguồn từ sự rối loạn về kinh tế, chính trị do cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu gây ra [8]. Một ví dụ khác là trường hợp của Ai-xơ-len. Ngày 26 tháng 1 năm 2009, Thủ tướng Ai-xơ-len, Geir Haard, và nội các của ông đã phải từ chức chỉ ba tháng sau sự sụp đổ của đồng tiền nước này cũng như của thị trường chứng khoán và một số ngân hàng lớn [9]. Đồng thời, hàng loạt cuộc biểu tình lớn đã diễn ra tại Ai-xơ-len. Ngoài ra, các tác động của cuộc khủng hoảng đã dẫn đến tình trạng bất ổn ở một loạt các quốc gia khác trên thế giới như U-crai-na, Pháp, Anh, Hy Lạp... Sự thay đổi chính phủ và bất ổn xã hội ở một số quốc gia đương nhiên sẽ có tác động đến kinh tế chính trị quốc tế bởi lẽ quốc gia chính là chủ thể quan trọng nhất trong quan hệ kinh tế chính trị quốc tế. Sự thay đổi chính phủ có thể đi liền với sự thay đổi về chính sách kinh tế đối ngoại hay sự bất ổn xã hội buộc các quốc gia phải ưu tiên việc ổn định bên trong trước khi quan tâm nhiều đến hợp tác quốc tế.

Đối với nhiều quốc gia giữ được sự ổn định của chính phủ lại phải đương đầu với những khó khăn và thực hiện nhiều biện pháp ứng phó. Tác động của cuộc khủng hoảng đã khiến nhiều người dân phải trông đợi vào hành động của chính phủ. Chính phủ một số nước có thể sẽ tận dụng cơ hội này để củng cố quyền lực của mình. Trong Diễn đàn kinh tế thế giới tháng 1 năm 2009 diễn ra tại Davos, Thụy Sĩ, Thủ tướng Trung Quốc Ôn Gia Bảo đã đổ lỗi rằng chính việc “theo đuổi lợi nhuận một cách mù quáng” của Mỹ đã gây ra cuộc khủng hoảng [10]. Trong khi đó, tháng 5 năm 2009, Tổng thống Venezuela, Hugo Chavez, đã tịch thu

công ty Cargil, một công ty sản xuất nông nghiệp của Mỹ tại Venezuela, trong nỗ lực khắc phục việc leo thang của giá cả và thiếu thốn lương thực, nhu yếu phẩm [11]. Các động thái như vậy của các chính phủ có thể thu hút được sự chú ý, ủng hộ của dân chúng trong hoàn cảnh kinh tế khó khăn nhưng nó đã làm dấy lên chủ nghĩa dân tộc và gây mâu thuẫn giữa các quốc gia.

Một phản ứng khác có thể thấy ở một số quốc gia đó là việc hướng ra bên ngoài để tìm kiếm các nguồn viện trợ tài chính, tạo cơ hội cho các nước lớn tìm cách gia tăng ảnh hưởng. Bê-la-rút tìm kiếm sự trợ giúp của Nga về một thỏa thuận tài chính trị giá 3 tỉ đô la Mỹ nhưng đã không thành công. Sau đó, nước này đã nhận sự trợ giúp của Quỹ tiền tệ quốc tế (IMF) một khoản trị giá 2.46 tỉ đô la Mỹ nhằm ứng phó với cuộc khủng hoảng [2]. Dưới thời Thủ tướng Yulia Tymoshenko, U-crai-na đã từng gửi thư đề nghị các nước như Mỹ, Nga, Liên minh Châu Âu, Trung Quốc và Nhật Bản nhằm kêu gọi sự trợ giúp về tài chính để giúp nước này đối phó với khủng hoảng kinh tế. Rõ ràng, việc một số các quốc gia hướng ra bên ngoài để kêu gọi viện trợ, tìm kiếm các khoản vay tài chính đã tạo cơ hội cho các nước lớn tranh thủ để tranh giành ảnh hưởng lẫn nhau. Nga và Liên minh Châu Âu tranh giành sự ảnh hưởng ở Đông Âu. Một công ty dầu mỏ của Nga là OAO Surgutneftegaz đã mua được đến 21% cổ phiếu của Công ty dầu mỏ quốc gia Hungary khiến nhiều người cho rằng nước Nga đang lợi dụng cuộc khủng hoảng để gây ảnh hưởng kinh tế đối với Hungary [12]. Trong lúc đó, Liên minh Châu Âu cho rằng cần phải có các gói viện trợ kinh tế để giúp các nước Đông Âu, kể cả các nước thành viên và không phải thành viên của Liên minh, nhằm bảo đảm những lợi ích chiến lược ở khu vực này [13]. Trung Quốc cũng không bỏ qua cơ hội tận dụng khoản ngân quỹ của mình trợ giúp thời kỳ khủng hoảng để đổi lấy

những ảnh hưởng kinh tế - chính trị. Việc Trung Quốc tìm kiếm nguyên nhiên liệu thô không phải là điều mới mẻ nhưng trong điều kiện kinh tế toàn cầu suy thoái, các công ty của Trung Quốc đã tranh thủ đạt được những thoả thuận có giá trị lớn. Tập đoàn Quặng và Khoáng sản của Trung Quốc (China Minmentals Corporation) đưa ra khoản tiền trị giá 1.7 tỉ đô la Mỹ để mua Công ty khoáng sản OZ của Australia. Ngân hàng Nhân dân Trung Hoa (People's Bank of China) cũng có các thoả thuận trao đổi với các đối tác như Ma-lay-xia hay Ác-hen-ti-na trị giá hàng chục tỉ đô la Mỹ nhằm hạn chế việc phụ thuộc vào đồng đô la Mỹ và tăng cường sử dụng đồng Nhân dân tệ trong các giao dịch thương mại với Trung Quốc [14]. Nội lực của nhiều quốc gia, đặc biệt là các nước đang phát triển đã không thể giúp họ tự đối phó với ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính toàn cầu. Việc các quốc gia này tìm kiếm các nguồn tài trợ, khoản vay từ bên ngoài đã tạo cơ hội cho một số nước tranh thủ và tranh giành ảnh hưởng kinh tế chính trị, tác động đến quan trọng đến kinh tế chính trị quốc tế, đặc biệt là giai đoạn hậu khủng hoảng.

Ngoài việc tìm kiếm nguồn lực tài chính từ bên ngoài, các quốc gia còn thi hành chính sách bảo hộ mậu dịch nhằm bảo vệ sản xuất trong nước, hạn chế nhập khẩu và cạnh tranh từ bên ngoài. Nhiều người cho rằng cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu lần này một lần nữa cho thấy xu hướng chống lại toàn cầu hoá vẫn đang tồn tại. Hình thức bảo hộ mậu dịch bao gồm việc cấp giấy phép nhập khẩu, thuế nhập khẩu, các biện pháp thương mại nhằm hỗ trợ sản xuất trong nước. Tổ chức thương mại thế giới (WTO) cho biết chỉ tính riêng từ tháng 9 năm 2008 đến tháng 3 năm 2009 đã có 85 biện pháp bảo hộ mậu dịch được 23 nước thông qua. Các nước thuộc nhóm G-20 vốn cam kết thúc đẩy tự do thương mại thế giới cũng áp dụng các biện pháp bảo hộ mậu dịch dưới nhiều hình thức

khác nhau. Trong chương trình cứu trợ kinh tế của Mỹ cũng có điều khoản "chi mua hàng của Mỹ" hay việc Tổng thống Pháp Nicolas Sarkozy cho rằng các công ty sản xuất ô tô chỉ sản xuất ở trong nước Pháp mà thôi [15]. Việc áp dụng các biện pháp bảo hộ mậu dịch sẽ đương nhiên có tác động đến quan hệ giữa các quốc gia, nói cách khác là tác động đến kinh tế chính trị quốc tế. Sự can thiệp của các chính phủ sẽ luôn luôn có ảnh hưởng đến thương mại và các dòng tư bản quốc tế, đồng thời các biện pháp can thiệp này cũng luôn luôn có sự tính toán về mặt chính trị. Ví dụ, một quốc gia có thể áp dụng thuế nhập khẩu đối với mặt hàng của quốc gia này nhưng lại không áp dụng đối với quốc gia khác mặc dù đó có thể là cùng một mặt hàng. Hơn nữa, một số chính phủ có thể yêu cầu các thể chế tài chính quốc tế của mình chi thực hiện việc cho vay đối với các đối tác trong nước, không thực hiện cho vay đối với các nước khác, đặc biệt là các nước đang phát triển, có nhu cầu cao về tài chính.

Tóm lại, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã và đang có những tác động hết sức sâu rộng đến mọi mặt của đời sống kinh tế, xã hội, chính trị trên phạm vi toàn thế giới. Từ góc nhìn kinh tế chính trị quốc tế, cuộc khủng hoảng hiện nay đang đặt ra những vấn đề cần được quan tâm xét cả trên phương diện lý luận và thực tiễn. Cụ thể, các vấn đề này được thể hiện ở ba cấp độ là toàn cầu, khu vực và quốc gia. Mặc dù cuộc khủng hoảng chưa phải là sự cáo chung đối với lý thuyết của Chủ nghĩa tự do mới nhưng nó đã đánh dấu sự thất bại của học thuyết này. Việc một số quốc gia tiến hành các biện pháp cứu trợ nền kinh tế bằng các biện pháp can thiệp của nhà nước đến thị trường một cách hiệu quả đã phần nào đặt ra câu hỏi về việc lựa chọn lý thuyết và mô hình phát triển giai đoạn hậu khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng còn làm giảm đi vai trò của Mỹ và tăng cường vai trò của các nền kinh tế đang lên trong hệ thống tài chính

quốc tế. Đồng thời nó cũng đặt ra vấn đề về vai trò của các thể chế tài chính quốc tế và sự cần thiết phải cải tổ. Ở cấp độ khu vực, cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu đã thúc đẩy nhiều sáng kiến khu vực nhưng cũng đồng thời làm dấy lên sự lo ngại về chủ nghĩa bảo hộ mậu dịch. Những tác động của cuộc khủng hoảng kinh tế toàn cầu có những tác động ở cấp độ quốc gia hết sức rõ rệt. Đối với một số quốc gia, cuộc khủng hoảng đã làm tan rã chính phủ, gây bất ổn xã hội. Các chính phủ giữ được ổn định lại tiến hành việc tìm kiếm tài trợ, viện trợ từ bên ngoài, tiến hành củng cố quyền lực, thực thi chính sách bảo hộ mậu dịch... Tất cả những tác động trên ở cả ba cấp độ đều dẫn đến những tác động quan trọng đến Kinh tế chính trị quốc tế về cả lý luận và thực tiễn. Đây cũng là những vấn đề cần có sự quan tâm của giới nghiên cứu Kinh tế chính trị quốc tế nhằm có những hiểu biết và dự liệu phù hợp.

Tài liệu tham khảo

- [1] Vũ Khoan, Khủng hoảng kinh tế toàn cầu và một số vấn đề đặt ra đối với Việt Nam, *Tạp chí Công san*. Số 5 (197) 2010. Lấy từ: http://www.tapchicongsan.org.vn/details.asp?Object=4&news_ID=14552983
- [2] Dick K. Nanto, The Global Financial Crisis: Foreign and Trade Policy Effects, *CRS Report for Congress: Congress Research Service*, www.crs.gov. (2009) 15.
- [3] David Harvey, *A Brief History of Neo-liberalism*, Oxford University Press: New York (2005).
- [4] E.J. Dionne, *Stuck between Stations*, The New Republic, March 30th (2009).
- [5] Douglas Rediker, *Foreign Policy Implications of the Financial Crisis*, New American Foundation, February 11th, from www.newamerican.net, (2009) 2.
- [6] Layna Mosley David Andrew Singer, The Global Financial Crisis: Lessons and Opportunities for International Political Economy, *International Interactions*, Vol. 35, Issue 4 (2009) 420.
- [7] Asian Development Bank Institute, *Recommendations of Policy Responses to the Global Financial and Economic Crisis for East Asian Leaders*, Retrieved from <http://www.adbi.org/key-docs/2009/03/18/2900.policy.global.financial.crisis.east.asian.leaders/> (March 2009).
- [8] David L. Stern, Latvia's government collapses. *The New York Times*, February 20, Retrieved from: <http://www.nytimes.com/2009/02/20/world/europe/20iht-latvia.4.20340824.html> (2009)
- [9] CNN.Com, Icelandic Government falls: asked to stay on. *CNN.com/Europe*, January 26. Retrieved from: <http://www.cnn.com/2009/WORLD/europe/01/26/iceland.government/index.html> (2009).
- [10] *ABC News Furious leaders lash U.S over economic crisis*, January 29. Retrieved from: <http://www.abc.gov.au/news/stories/2009/01/29/477189.htm> (2009)
- [11] *Los Angeles Times*, Venezuela's Hugo Chavez seizes a unit of U.S. firm Cargill, March 5. Retrieved from <http://articles.latimes.com/2009/mar/05/world/fg-venez-seize5> (2009)
- [12] Guy Chazan, Gregory White, Russian oil company buys stake in Hungary's MOL – Purchase reinforces concerns Kremlin is extending reach, *The Wall Street Journal Asia*, April 1 (2009).
- [13] Eurativ.com, EU, Russia quietly battle for Eastern Europe influence. February 11. Retrieved from <http://www.euractiv.com/en/east-mediterranean/eu-russia-quietly-battle-eastern-europe-influence/article-179329> (2009)
- [14] *Wonderland Wire China Plans Argentina Currency Swap*, March 31 2009. Retrieved from <http://wonderlandwire.wordpress.com/2009/03/31/china-plans-argentina-currency-swap/>
- [15] Katinka Barysch, *The real G20 agenda: from technics to politics*, OpenDemocracy, March 16 (2009) Retrieved from <http://www.opendemocracy.net/article/the-real-g20-agenda-from-technics-to-politics>.

The global economic crisis and its implications for international political economy

Pham Van Min

*College of Social Sciences and Humanities, VNU
336 Nguyen Trai, Thanh Xuan, Hanoi, Vietnam*

This paper is to analyze key impacts of the global economic crisis (GEC) on international political economy (IPE) under three levels of analysis. On the global level, the paper finds that the crisis indicates deficient explanations of Neo-liberalism, which invites new theories and models for socio-economic development in the post-crisis. The crisis also degrades the role of the U.S, whereas it increases the role of newly emerging economies in international financial system. Meanwhile, the GEC questions the role of international financial institutions and the necessity to reform these institutions. On the regional level, the GEC motivates regional initiatives but also cautions the trend of regional protectionism. On the national level, the crisis has contributed to the collapses of some governments and social unrests in several countries. In addition, that some governments seek for foreign financial assistance and loans creates international influence vying among great powers. The analysis of the crisis' impacts on IPE helps partly to point out some deficit explanations for the GEC from contemporary theories and to anticipate big changes in IPE after the crisis.